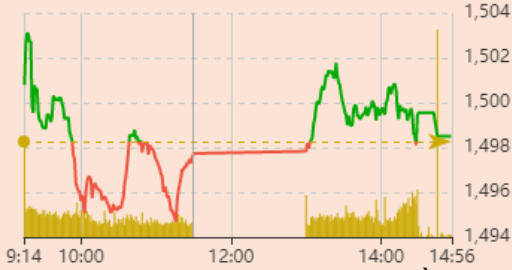


Vận động trong ngày



Nguồn: Fireant

Thay đổi chỉ số

| Chỉ số trong nước | HSX | HNX |
|-------------------|-----------|----------|
| Chỉ số | 1.498,50 | 461,75 |
| Thay đổi (%) | 0,02% | -0,23% |
| Thay đổi | 0,24 | -1,05 |
| Tổng KLGD | 745,54 | 128,47 |
| Tổng GTGD | 24.507,72 | 3.640,24 |
| NĐTNN ròng (tỷ) | -52,28 | 0,76 |
| PE | 17,20 | 22,21 |

| HĐTL chỉ số | VN30 | VN30F1 |
|--------------|----------|----------|
| Chỉ số | 1.498,36 | 1.494,00 |
| Thay đổi (%) | 0,06% | 0,00% |
| Thay đổi | 0,92 | 0,00 |
| Basis | 4,36 | |

Tăng giảm nhóm ngành

| Nhóm ngành L2 (%) | Ngày | Năm |
|------------------------|--------|--------|
| Dầu khí L2 | -1,00% | 108,3% |
| Hóa chất L2 | 0,68% | 160,9% |
| Tài nguyên Cơ bản L2 | -0,06% | 155,8% |
| XD và Vật liệu L2 | 0,67% | 85,4% |
| Hàng & Dịch vụ CN L2 | 0,36% | 60,7% |
| Ô tô và phụ tùng L2 | 1,32% | 65,5% |
| Thực phẩm và đồ uống | -0,02% | 30,8% |
| Hàng cá nhân & GD L2 | 1,82% | 96,0% |
| Y tế L2 | 0,68% | 32,2% |
| Bán lẻ L2 | 3,36% | 137,4% |
| Truyền thông L2 | -1,84% | 38,1% |
| Du lịch và Giải trí L2 | -0,46% | 22,8% |
| Viễn thông L2 | 1,26% | 22,8% |
| Điện, nước & xăng L2 | -0,74% | 53,6% |
| Bảo hiểm L2 | -0,78% | 48,5% |
| Bất động sản L2 | -0,02% | 69,2% |
| Dịch vụ tài chính L2 | -0,45% | 239,8% |
| Ngân hàng L2 | -0,30% | 107,4% |
| CNTT L2 | -0,08% | 121,2% |

XU HƯỚNG DÒNG TIỀN

- VN- Index tăng nhẹ 0,24 điểm (+0,02%) lên mốc 1.498,5 điểm. Thị trường giao dịch giằng co quanh mốc tham chiếu với số mã tăng và mã giảm gần tương đương nhau.
- Nhờ kỳ vọng kết quả kinh doanh tích cực, nhóm cổ phiếu bán lẻ, dệt may, thủy sản, phân đạm thu hút dòng tiền với nhiều mã tăng mạnh như MWG, DGW, GIL, DPM. Đây là nhóm cổ phiếu có tác động tích cực nhất lên chỉ số.
- Ngược lại, nhóm cổ phiếu ngân hàng, chứng khoán và dầu khí tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh và gây áp lực giảm điểm lên thị trường.
- Trên sàn HOSE, khối ngoại bán ròng nhẹ với giá trị khoảng 48,95 tỷ đồng, tập trung vào VNM, VCI, DXG nhưng vẫn tiếp tục mua ròng DGC.
- Dòng tiền tiếp tục luân chuyển và đang tìm đến nhưng nhóm ngành có kỳ vọng kết quả kinh doanh tích cực trong quý I năm 2022.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT & KHUYẾN NGHỊ

Phân tích kỹ thuật:

Phiên giao dịch ngày 25/03 ghi nhận nền dạng Doji với thanh khoản tiếp tục sụt giảm. Diễn biến thu hẹp biến động và thanh khoản trong khi duy trì vùng nền giá cao 1.500 điểm cho thấy trạng thái tích lũy lạnh mạnh

Khuyến nghị:

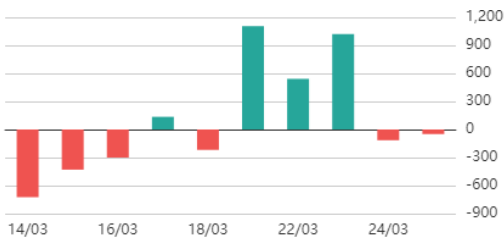
Nhà đầu tư có thể tiếp tục để lãi chạy với các cổ phiếu đang duy trì đà tăng mạnh như thủy sản, cảng biển và gia tăng các cổ phiếu thuộc nhóm ngành tiềm năng khác vừa mới thu hút dòng tiền sau giai đoạn điều chỉnh như nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ đầu tư công.

Kịch bản 1: VN-Index tiếp tục tích lũy quanh vùng 1.500 điểm.

Kịch bản 2: VN-Index tiếp diễn đà tăng lên vùng 1.530 điểm.



Giao dịch nước ngoài trên HSX



Nguồn: Fireant

ĐIỂM TIN TRONG NƯỚC

Tin kinh tế trong nước

[Trước 'bão' giá vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng chỉ đạo nóng](#)

[Vì sao khách bay nội địa giảm, quốc tế tăng mạnh?](#)

[Doanh nghiệp thấp thỏm với phí cảng biển](#)

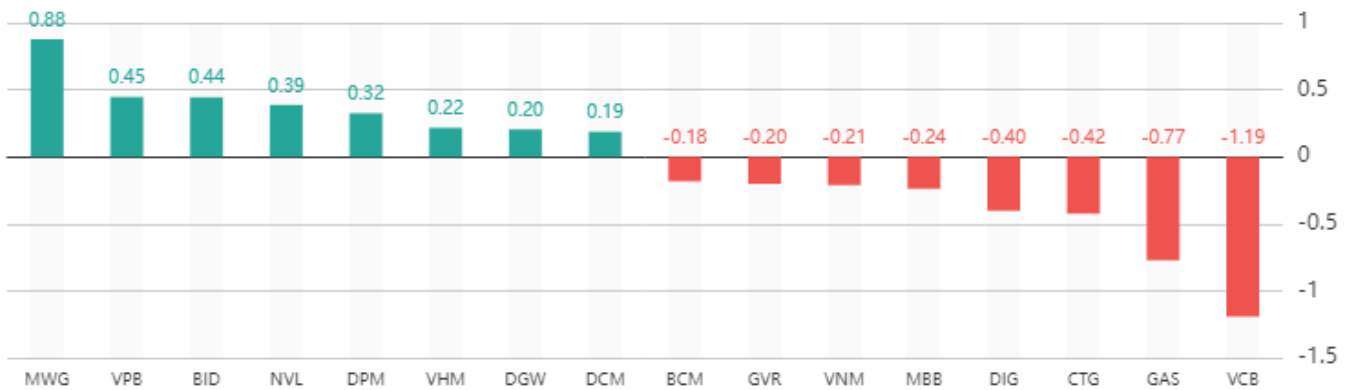
[Công ty liên quan đến "sếp tổng" Chứng khoán Nhất Việt mua xong 8.8 triệu cổ phiếu VFS, trở thành cổ đông lớn](#)

Tin doanh nghiệp trong nước

[Y tế Việt Mỹ \(AMV\) chốt danh sách cổ đông phát hành 40 triệu cổ phiếu chào bán giá 10.000 đồng/cp](#)

[Bamboo Capital \(BCG\) chuyển nhượng dự án Hội An 2.000 tỷ đồng cho BCG Land](#)

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số



Nguồn: Fireant

Chỉ số thế giới

| | | |
|------------|---------|--------|
| Dow Jones | 349,38 | 1,01% |
| DAX | -9,86 | -0,07% |
| FTSE100 | 6,75 | 0,09% |
| Nikkei 225 | 70,23 | 0,25% |
| Hang Seng | -208,13 | -0,95% |

Hợp đồng tương lai chỉ số

| | | |
|-------------|-------|--------|
| US30* | 333,5 | 0,96% |
| DAX* | 30 | 0,21% |
| FTSE100* | 23,5 | 0,32% |
| Nikkei 225* | -20 | -0,07% |
| Hang Seng* | -164 | -0,75% |

* Số liệu của phiên liền trước

DIỀM TIN KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA THẾ GIỚI

Tin kinh tế thế giới

[Mỹ lên kế hoạch tăng nguồn cung khí đốt tự nhiên hóa lỏng cho EU](#)

[Ông chủ quỹ quản lý tài sản lớn nhất thế giới:](#)

["Mâu thuẫn Nga - Ukraine đặt dấu chấm hết cho toàn cầu hóa!"](#)

[Giá dầu tăng do xung đột Ukraine, 400 tổ máy điện hạt nhân có đủ gánh nguồn điện toàn cầu?](#)

[Các nhà nhập khẩu khí đốt châu Á phản ứng ra sao trước việc Nga yêu cầu thanh toán bằng tiền rúp?](#)

Tin hàng hóa thế giới

[Thị trường ngày 25/3: Giá dầu và nhôm quay đầu giảm, nickel, sắt thép, cao su và đường đồng loạt tăng](#)

[Nhiều nhà máy thép Trung Quốc phải cắt sản lượng vì đợt dịch COVID-19 mới](#)

Bảng tổng sắp thay đổi giá thị trường hàng hóa

| Mặt hàng | Đơn vị | Giá | % ngày | % tuần | % tháng | % năm | Cổ phiếu tác động |
|-----------------------------|---------------------|----------|--------|---------|---------|--------|-------------------|
| Năng lượng | | | | | | | |
| Dầu WTI | USD/thùng | 112,34 | -2,25% | 7,30% | 17,36% | 50,03% | GAS,BSR |
| Dầu Brent | USD/thùng | 119,03 | -2,11% | 10,28% | 21,50% | 53,03% | GAS,BSR |
| Xăng | UScent/gallon | 3,39 | -1,17% | 4,63% | 15,60% | 52,39% | PLX,OIL |
| Kim loại quý | | | | | | | |
| Vàng | USD/ounce | 1.958,48 | 0,78% | 1,95% | 2,65% | 7,12% | PNJ |
| Bạc | USD/ounce | 25,51 | 1,78% | 2,24% | 4,46% | 9,64% | PNJ |
| Nông sản và gia súc | | | | | | | |
| Đậu tương | UScent/giạ | 1.700,75 | -1,05% | 1,96% | 3,44% | 26,99% | HKB |
| Gạo | USD/cwt | 15,99 | -0,25% | 2,30% | 4,07% | 7,68% | VNM,GTN |
| Sữa | USD/cwt | 22,42 | 0,13% | 0,04% | 7,17% | 21,72% | |
| Cao su | JPY/Kg | 253,20 | -1,48% | 2,30% | -3,17% | 13,64% | DPR,PHR |
| Đường | UScent/lb | 19,26 | 0,57% | 1,74% | 7,00% | 2,01% | SBT,LSS |
| Cà phê | UScent/lb | 225,30 | 0,11% | 2,27% | -3,82% | -0,35% | CTP,DLG |
| Gỗ | USD/1000 board feet | 1.054,30 | 0,00% | -11,05% | -21,13% | -8,15% | PTB |
| Heo nạc | UScent/lbs | 102,77 | 0,21% | 3,39% | -0,71% | 26,14% | DBC |
| Mặt hàng công nghiệp | | | | | | | |
| Quặng sắt | USD/tấn | 142,00 | 0,00% | -2,07% | 4,03% | 22,41% | HSG,HPG |
| Thép | USD/tấn | 4.945,00 | 0,10% | 4,86% | 4,86% | 8,73% | HSG,HPG |

THÔNG KÊ TRONG NGÀY

Thông kê hợp đồng phái sinh

| Mã phái sinh | Thay đổi | Mở cửa | Đóng cửa | Thấp nhất | Cao nhất | KLGD |
|--------------|----------------|----------|----------|-----------|----------|--------|
| VN30F2204 | 0.00(0.00%) | 1.497,00 | 1.494,00 | 1.497,10 | 1.488,00 | 11.769 |
| VN30F2205 | -1.10 (-0.07%) | 1.495,70 | 1.492,90 | 1.495,70 | 1.487,00 | 178 |
| VN30F2206 | -0.90 (-0.06%) | 1.490,90 | 1.489,20 | 1.493,00 | 1.486,50 | 19 |
| VN30F2209 | 1 (0.07%) | 1.492,50 | 1.490,50 | 1.495,90 | 1.485,00 | 34 |

Top 5 tăng giá HSX

| Mã | Giá ĐC | Thay đổi | KLGD |
|-----|--------|--------------|-----------|
| SII | 20,65 | +1,35/+6,99% | 25.300 |
| OGC | 17,6 | +1,15/+6,99% | 5.166.600 |
| LCM | 7,5 | +0,49/+6,99% | 235.800 |
| SGT | 32,15 | +2,10/+6,99% | 447.000 |
| GIL | 88,8 | +5,80/+6,99% | 1.599.100 |

Top 5 giảm giá HSX

| Mã | Giá ĐC | Thay đổi | KLGD |
|-----|--------|---------------|---------|
| PGI | 34,35 | -2,55/-6,91% | 27.800 |
| SVC | 103,6 | -7,60/-6,83% | 100 |
| VCF | 261 | -19,00/-6,79% | 2.100 |
| VDP | 38,05 | -1,95/-4,88% | 5.100 |
| KPF | 17,1 | -0,70/-3,93% | 276.000 |

Top 5 tăng giá HNX

| Mã | Giá ĐC | Thay đổi | KLGD |
|-----|--------|---------------|---------|
| SDN | 56,1 | +5,10/+10,00% | 1.200 |
| VC9 | 26,4 | +2,40/+10,00% | 523.300 |
| TSB | 12,2 | +1,10/+9,91% | 51.600 |
| CMS | 33,4 | +3,00/+9,87% | 452.900 |
| DNM | 63,6 | +5,70/+9,84% | 55.600 |

Top 5 giảm giá HNX

| Mã | Giá ĐC | Thay đổi | KLGD |
|-----|--------|--------------|--------|
| THS | 37,3 | -4,10/-9,90% | 800 |
| SDU | 18,3 | -2,00/-9,85% | 800 |
| CKV | 20,2 | -2,20/-9,82% | 100 |
| KSF | 109,4 | -9,80/-8,22% | 20.500 |
| NTH | 40 | -3,10/-7,19% | 2.000 |

Top mua ròng HSX

| Mã | Giá ĐC | Thay đổi | KLGD |
|----------|--------|--------------|-----------|
| FUEVFNVD | 29,0 | +0,35/+1,22% | 2.582.800 |
| DGC | 225,0 | +2,50/+1,12% | 291.400 |
| DPM | 72,7 | +3,30/+4,76% | 790.000 |
| VGC | 59,0 | +1,10/+1,90% | 467.200 |
| VHC | 94,0 | +2,60/+2,84% | 262.600 |

Top bán ròng HSX

| Mã | Giá ĐC | Thay đổi | KLGD |
|-----|--------|--------------|------------|
| VNM | 75,2 | -0,40/-0,53% | -848.300 |
| VCI | 57,6 | -0,90/-1,54% | -997.100 |
| DXG | 46,5 | +0,35/+0,76% | -1.055.400 |
| GMD | 54,8 | -1,00/-1,79% | -592.000 |
| VND | 31,1 | -0,40/-1,27% | -1.033.000 |

28- 03 - 2022

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN NGÀY

THỊ TRƯỜNG PHÂN HÓA, VN-INDEX TĂNG NHẸ

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ KHUYÊN NGHỊ

| Mã cổ phiếu | Giá hiện tại | Giá mua | Ngày mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Giá bán | Ngày bán | Tỷ lệ % | Ghi chú |
|-------------|--------------|---------|------------|--------------|------------|---------|----------|---------|---------|
| HPG | 46,4 | 16,59 | 5/08/2020 | 30,5 | | | | 179,7% | |
| CTG | 32,2 | 27,5 | 1/04/2021 | 50 | | | | 17,1% | |
| ACB | 32,7 | 26,72 | 1/04/2021 | 40 | | | | 22,4% | |
| MBB | 31,8 | 24,6 | 10/05/2021 | 40 | | | | 29,3% | |
| SSI | 43,45 | 38,6 | 24/05/2021 | 37 | | | | 12,6% | |
| TCB | 49,25 | 51,1 | 22/07/2021 | 55,4 | | | | -3,6% | |
| VPB | 36,75 | 34,75 | 22/07/2021 | 70,5 | | | | 5,8% | |
| MBB | 31,8 | 28,35 | 23/07/2021 | 32,6 | | | | 12,2% | |
| MBS | 35,3 | 29,2 | 22/07/2021 | 36 | | | | 20,9% | |
| VND | 31,1 | 17,53 | 22/07/2021 | 51 | | | | 77,4% | |
| NLG | 60,9 | 40 | 22/07/2021 | 50,7 | | | | 52,3% | |
| KDH | 53,3 | 51,7 | 20/01/2022 | 62 | | | | 3,1% | |
| AGG | 49,75 | 45,5 | 20/01/2022 | 72 | | | | 9,3% | |
| KBC | 53,8 | 33,1 | 22/07/2021 | 40,3 | | | | 62,5% | |
| SZC | 77,4 | 39,55 | 22/07/2021 | 43 | | | | 95,7% | |
| FMC | 63,4 | 35,3 | 22/07/2021 | 37,3 | | | | 79,6% | |
| ANV | 43 | 27 | 22/07/2021 | 33,3 | | | | 59,3% | |
| VHC | 94 | 40,55 | 22/07/2021 | 43,5 | | | | 131,8% | |
| GEG | 26,85 | 23,3 | 20/01/2022 | 35 | | | | 15,2% | |
| QTP | 18,5 | 19,1 | 20/01/2022 | 28,5 | | | | -3,1% | |
| PNJ | 108,2 | 94,4 | 20/01/2022 | 120 | | | | 14,6% | |
| KSB | 49,4 | 45,2 | 20/01/2022 | 58,5 | | | | 9,3% | |

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VIETFIRST

Hệ thống khuyến nghị của VFS được xây dựng dựa trên sự chênh lệch giữa giá cổ phiếu thị trường tại thời điểm đánh giá và giá mục tiêu 12 tháng

| Hệ thống khuyến nghị | Diễn giải |
|----------------------|--|
| MUA | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 15% trở lên |
| THEO DÕI | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường từ 5 – 15% |
| NĂM GIỮ | Nếu giá mục tiêu cao hơn giá thị trường không quá 5% |
| BÁN | Nếu giá mục tiêu thấp hơn giá thị trường tối thiểu 5% |

THÔNG TIN LIÊN HỆ

| | | |
|--------------------------|-------------------------------|-----------------------------|
| Nguyễn Minh Hoàng | Chuyên viên phân tích cao cấp | hoang.nguyenminh@vfs.com.vn |
| Vũ Thị Hà Phương | Chuyên viên phân tích | phuong.vu@vfs.com.vn |
| Nguyễn Hoàng Long | Chuyên viên phân tích | long.nguyen@vfs.com.vn |
| Trần Minh Quân | Chuyên viên phân tích | quan.tran@vfs.com.vn |

© CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT (VFS)**Hội sở Hồ Chí Minh**

Lầu 1, 117 - 119 - 121 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: **(84-8) 62556586** Fax: **(84-8) 62556580**

Website: www.vfs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 9B, Tòa nhà Leadvisors place, 41A Lý Thái Tổ, P. Lý Thái Tổ, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: **(84-4) 39288222** – Ext: **117** Fax: **(84-4) 39338222**

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán Nhất Việt (VFS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VFS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VFS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VFS.